

NHÂN DANH
NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Chuân – Phó bí thư Huyện Đoàn Văn Bản, tỉnh Lào Cai.
2. Bà Nguyễn Thị Thủy – Giáo viên Trường Trung học cơ sở xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nghiêm Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 31/10/2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh ngày 16/02/1991, tại huyện V, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKTT: Xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; Con bà Nông Thị T, sinh năm: 1972. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo chưa có vợ con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Kiên – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phạm Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 14/9/2017, nhận được tin báo của nhân dân tại khu vực bờ hồ thuộc tổ 5, thị trấn K (*Gần khu vực uống Methadone Bệnh viện Đa khoa huyện V*) có đối tượng có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Công an huyện V triển khai lực

lượng đến nơi phát hiện 01 nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu khai rõ tên tuổi, địa chỉ và có ma túy thì tự giác giao nộp, nam thanh niên khai tên là Phạm Văn D – *sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã L, huyện V* và tự giác giao nộp 01 gói ni lon (*vỏ gói cà phê*) bên trong có 22 gói giấy bạc màu trắng, vón cục và khai là ma túy của D, tổ công tác đã lập biên bản quả tang và niêm phong vật chứng. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Phạm Văn D nhưng không phát hiện và thu giữ gì.

Về nguồn gốc số ma túy Phạm Văn D khai sáng ngày 11/9/2017, D đi ra khu vực tổ N, thị trấn K gặp và mua của người đàn ông tên là C ở xã B, huyện B, Lào Cai được 01 gói ma túy giá 2.400.000^d, đem về nhà chia tách và dùng giấy bạc màu trắng gói được 22 gói, mục đích để sử dụng. Đến khoảng 16 giờ ngày 14/9/2017 D mang theo 22 gói ma túy đi xuống khu vực bờ hồ thuộc tổ 5, thị trấn K, huyện V chơi. Đến 18 giờ cùng ngày khi D đang ngồi uống nước ở quán thì tổ công tác Công an huyện V đến kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 189/GĐMT ngày 16/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 1,09 gam chất bột khô màu trắng, vón cục thu giữ của Phạm Văn D ngày 14/9/2017 gửi giám định là chất ma túy, chất Hêrôin.

Cáo trạng số: 44/KSĐT ngày 31/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai truy tố Phạm Văn D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn. Sau khi phân tích, đánh giá mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. □p dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc Thi hành bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. □p dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đã phân tích đánh giá nhân thân và hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: □p dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc Thi hành bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa và bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Phạm Văn D khai nhận: Sáng ngày 11/9/2017, D đi ra khu vực tổ, thị trấn K gặp và mua của người đàn ông tên là C ở xã B, huyện B, Lào Cai được 01 gói ma túy giá 2.400.000^d, đem về nhà chia tách và dùng giấy bạc màu trắng gói được 22 gói, mục đích để sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 16 giờ ngày 14/9/2017 D mang theo 22 gói ma túy đi xuống khu vực bờ hồ thuộc tổ 5, thị trấn K, huyện V chơi. Đến 18 giờ cùng ngày khi D đang ngồi uống nước ở quán thì tổ công tác Công an huyện V đến kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Do vậy việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố bị cáo Phạm Văn D ra tr-ớc phiên toà hôm nay, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng ng-ời, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy Phạm Văn D là ng-ời có năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo hiểu rất rõ ma túy là loại độc d-ợc nguy hiểm đến tính mạng, sức khoẻ của con ng-ời, Nhà nước cấm vận chuyên, mua bán, tàng trữ trái phép. Nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi mua trái phép chất ma túy để tàng trữ sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà n-ớc về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa ph-ơng. Do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc tr-ớc pháp luật mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành ng-ời công dân sống có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc Thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội, thì cần áp dụng các quy định có lợi đối với Phạm Văn D khi xét xử. Bản thân bị cáo sau khi phạm tội và tại phiên toà hôm nay bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền xét thấy: Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, sống cùng gia đình, không có tài sản gì riêng có giá trị. Do đó không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra không xác định được người đàn ông tên Chuyên ở địa bàn xã B, huyện B, đã bán ma túy cho Phạm Văn D ngày 11/9/2017 có đặc điểm nhận dạng như D khai báo. Do không xác định đ-ợc tên tuổi địa chỉ, nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 1,09 gam Hêrôin, Cơ quan giám định đã trích mẫu 0,24 gam, còn lại 0,85 gam đã được niêm phong, cần tịch thu để tiêu hủy.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

□p dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01 (*Một*) năm 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14 tháng 9 năm 2017.

Về vật chứng: □p dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu 0,85 gam Heroine đựng trong 01 (*Một*) bì niêm phong còn nguyên vẹn, trên một mặt bì có ghi “*Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Phạm Văn D có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện thu giữ ngày 14/9/2017 tại thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai*”. Mặt sau có 03 chữ ký của ng-ời tham gia niêm phong và 05 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai. Để tiêu hủy.

Về án phí: □p dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban th-ờng vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr-ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

□n xét xử công khai sơ thẩm, kết thúc hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Tòa án ND tỉnh LC(1);
- VKSND(2);
- Công an Văn Bàn(2);
- Bị cáo; NBC (2);
- T.H.A HS(1);
- T.H.A DS (1);
- Trại giam LC(1);
- STP LC (1);
- L- u HS, TP, LĐ (4).

Trần Văn Nghĩa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hoàng Chuân Nguyễn Thị Thủy

Trần Văn Nghĩa

Nơi nhân:

- Tòa án ND tỉnh LC(1);
- VKSND(2);
- Công an Văn Bàn(2);
- Bị cáo (1);
- T.H.A HS(1);
- T.H.A DS (1);
- Trại giam LC(1);
- UBND xã Minh L- ơng(1);
- L- u HS, TP, LĐ (4).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nghĩa

TAND HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Văn Bàn, ngày 22 tháng 4 năm 2014.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN TỈNH LÀO CAI
Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Nghĩa.**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lự Thị Thanh.**

2. Bà Nguyễn Thị Thành.

Căn cứ điều 199 và điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2014. Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành sơ thẩm với vụ án: Sầm Thị Biên. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào cai truy tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ-ợc kiểm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng-ời tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh- sau:

1/ Tội danh: Tuyên bố bị cáo Sầm Thị Biên phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

2/ Về điều luật áp dụng và hình phạt: khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sầm Thị Biên 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù và phạt tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà n-ớc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2014.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

3/ Về tang vật: □p dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu số tiền 100.000^d (Một trăm nghìn đồng) của Sầm Thị Biên. Là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà n-ớc.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ: 0,02 gam Hêrôin của L-ơng Văn Tính làm mẫu vật gửi đi giám định. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai l- u mẫu, không hoàn lại.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

4/ Về án phí: □p dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc hội ban hành về các loại án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Sầm Thị Biên phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

6/ Về thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Sầm Thị Biên ch- a thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tính theo mức lãi xuất nợ cơ bản do Ngân hàng Nhà n-ớc Việt Nam quy định, t- ơng ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Tr- ờng hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%.

Biên bản lập xong và thông qua vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 22/4/2014. Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí và ký tên.

HỘI THỘM NHÂN DÂN

THỘM PHẠM - CHỦ TOẠ PHẠM TOA

Lữ Thị Thanh Nguyễn Thị Thành

Trần Văn Nghĩa